

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

thẩm tra bổ sung của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh
tại kỳ họp thứ 26 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 3 báo cáo, 15 tờ trình, 02 văn bản bổ sung và 16 dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 26 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, hội nghị tham vấn với một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Các báo cáo

I. Tình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024 (lĩnh vực kinh tế ngân sách) (Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh)

1. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2024

Việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 theo Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh đạt được kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; có nhiều mặt nổi bật, trong đó các mục tiêu, chỉ tiêu tiệm cận mức trung trung bình của Kế hoạch năm; các cân đối lớn của nền kinh tế giữ ổn định. Cụ thể tổng sản phẩm trên địa bàn ước tính tăng 5,02% (KH 6,5-7%); phân theo lĩnh vực đóng góp cho tăng trưởng gồm: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,34%, đóng góp 0,73 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 4,55%, đóng góp 1,19 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,14%, đóng góp 2,94 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,97%, đóng góp 0,16 điểm phần trăm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản xuống mức 20,39%, giảm 2,42% so cùng kỳ năm 2023. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng ở mức bình quân chung của cả nước 3,41% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giá hiện hành) ước tính đạt 9.381,6 tỷ đồng, tăng 3,95% so với cùng kỳ năm trước và đạt 34,75% kế

hoạch năm¹. Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.200 tỷ đồng, đạt 56% dự toán địa phương, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2023. Sản xuất nông nghiệp và vụ Đông Xuân được mùa, được giá toàn diện; nông thôn mới hiện có 75/101 xã đạt chuẩn (chiếm tỷ lệ 74,3%), tăng 6 xã so với cuối năm 2023². Công nghiệp - xây dựng mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng duy trì tốc độ tăng trưởng 4,55%.

Các dự án động lực đã được lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, tạo được sự chuyển biến tích cực. Đến nay, dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy đã thi công xây dựng theo tiến độ kế hoạch; dự án Khu công nghiệp Quảng Trị đã hoàn thành công tác GPMB giai đoạn 1 và đang san nền; dự án LNG Hải Lăng đang gấp rút hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi; dự án Cảng Hàng không Quảng Trị đã khởi công vào ngày 06/7/2024; Dự án Xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết cho phép triển khai; Dự án đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà đã tổ chức khởi công. Các dự án: Cao tốc Vạn Ninh - Cam Lộ, Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây 500kV đấu nối tại Quảng Trị đang đẩy nhanh giải phóng mặt bằng và triển khai thi công. Dự án cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo và Tuyến quốc lộ 15D đang đang vận động nguồn vốn để hoàn thiện hồ sơ đề xuất đầu tư.

Hoạt động thương mại dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Vận tải hành khách và hàng hoá tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước³, trong đó tăng giá vé máy bay là yếu tố thay đổi hành khách tham gia đường bộ nhiều hơn. Hoạt động xuất, nhập khẩu duy trì tốc độ tăng, nhập khẩu tăng nhanh hơn cùng kỳ, trong đó có nhập khẩu mặt hàng than đá.

Bên cạnh kết quả đạt được tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn những khó khăn, thách thức lớn, nhiều chỉ tiêu kinh tế đạt thấp hơn mức bình quân kế hoạch: Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tính tăng trưởng 5,02%/(KH 6,5-7%) thấp hơn bình quân kế hoạch đề ra và thấp hơn cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 là 6,52%); tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chỉ đạt 4,55%/(KH 9,5-10%), chỉ số sản xuất công nghiệp đạt thấp, ước tính tăng 2,86% so với (KH 10-11%), thấp so với cùng kỳ năm trước⁴. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt thấp so với kế hoạch,

¹ Bao gồm: vốn khu vực nhà nước 1.824,5 tỷ đồng, chiếm 19,45% tổng vốn và giảm 9,08% so với cùng kỳ năm trước; vốn khu vực ngoài nhà nước 7.453,4 tỷ đồng, chiếm 79,45% và tăng 7,11%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 103,7 tỷ đồng, chiếm 1,10% và tăng 72,83%.

² Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Gio Hải, Gio Châu, Hải An, Hải Khê.

³ Hành khách vận chuyển tăng 6,55%, hành khách luân chuyển tăng 7,41%; hàng hóa vận chuyển tăng 6,54%, hàng hóa luân chuyển tăng 7,55%.

⁴ Sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng thấp nhất từ trước đến nay (6 tháng năm 2023 tăng 10,16%); ngành điện trong 2 năm 2022-2023 là động lực tăng trưởng của ngành công nghiệp nhưng 6 tháng đầu năm

chỉ đạt 34,75%⁵. Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp⁶, chỉ bằng 26,7%KH. Việc huy động nguồn lực để hỗ trợ các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện, cấp xã năm 2024 gặp nhiều khó khăn⁷.

Các yếu tố cản trở động lực phát triển chậm được khắc phục như vấn đề giải phóng mặt bằng, nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông là điểm nghẽn đối với nỗ lực đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công và các công trình trọng điểm; nền kinh tế tuy có phục hồi nhưng doanh nghiệp vẫn đối mặt với khó khăn: Doanh nghiệp nhà nước Trung ương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mức tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ năm 2023; doanh nghiệp ngoài nhà nước thành lập mới giảm 30,4% so với cùng kỳ, doanh nghiệp ngừng hoạt động 284 đơn vị, tăng 25% so với cùng kỳ; doanh nghiệp giải thể và tuyên bố giải thể 78 đơn vị, bằng 1/2 số doanh nghiệp đang ký thành lập; thực hiện các chính sách xã hội hóa theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh còn nhiều vướng mắc, chưa được giải quyết chủ yếu là miễn tiền thuê sử dụng đất. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ nếu trừ yếu tố giá tăng thì tốc độ tăng thấp, khoảng 8,8%; tiêu dùng nội địa giảm, kéo theo đó là cả hệ thống thương mại, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, chuỗi cung ứng cũng chịu tác động gián tiếp và giảm doanh thu; nền kinh tế cũng chịu tác động kép từ sản xuất công nghiệp tăng thấp và sản phẩm công nghiệp giảm do thiếu đơn hàng; huy động vốn tăng nhanh hơn dư nợ cho vay: Huy động vốn trên địa bàn đến 31/5/2024 đạt 38.537 tỷ đồng, tăng 2.100 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 5,76% so cuối năm 2023; tiền gửi tiết kiệm dân cư 26.940 tỷ đồng, tăng 1.608 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 6,35% so cuối năm 2023; Tổng dư nợ cho vay đạt gần 53.000 tỷ, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 27.154 tỷ đồng, tăng 1.620 tỷ đồng, dư nợ cho vay trung, dài hạn giảm 3,16% so cuối năm 2023, tiền tiết kiệm trong dân chưa được huy động cho đầu tư phát triển.

Hệ thống quy hoạch chưa được hoàn thiện đồng bộ; quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết một số khu chức năng

nay không có dự án mới hoàn thành đi vào hoạt động, các dự án trước đây hoạt động với công suất ổn định nên tăng trưởng thấp.

⁵ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 9.381,6/KH 27.000 tỷ đồng, đạt 34,75%.

⁶ Giải ngân vốn ĐTC 268,327 tỷ đồng, chỉ đạt 26,7%. Trong đó vốn cân đối theo tiêu chí 34,7% KH (tiền SD đất 153,529 tỷ đồng, đạt 19,2% KH, XSKT 17,8%KH), vốn trung ương hỗ trợ 228,194 tỷ đồng, đạt 33,8%KH; CTMTQG 94,836 tỷ đồng, đạt 25,7% KH; Nguồn NSĐP 2,342 tỷ, đạt 3,5% KH; Nguồn NSTW giải ngân 76,931 tỷ đồng, đạt 75,8% KH.

⁷ Kế hoạch có 8 xã đạt chuẩn NTM trong năm 2024 dự kiến mới đạt 6 xã (Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Gio Hải, Gio Châu, Hải An, Hải Khê), riêng xã Linh Trường và xã Ba Lòng khó đạt mục tiêu NTM 2024 do vướng mắc về tiêu chí sản xuất, thu nhập người dân và tiêu chí hạ tầng. Mục tiêu về đích NTM của 9 xã miền núi giai đoạn 2021 - 2025, gồm các xã: Hướng Phùng, Hướng Tân, Thuận (huyện Hướng Hóa); Mò Ó, Ba Lòng (huyện ĐaKrông); Linh Trường (huyện Gio Linh); Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà (huyện Vĩnh Linh) theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh gặp nhiều khó khăn.

điều chỉnh nhiều lần; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chuyển biến chậm, ảnh hưởng đến các dự án đầu tư.

Kiến nghị HĐND tỉnh: Ngày 03/7/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách có Văn bản số 72/HĐND-KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ và thống nhất một số nội dung trình kỳ họp thứ 26 HĐND tỉnh khóa VIII; đến ngày 05/7/2024 UBND tỉnh đã có Văn bản số 3108/UBND-TH giải trình, làm rõ một số nội dung theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh. Tuy nhiên, qua rà soát, việc quả thực hiện mục tiêu về đích nông thôn mới của 9 xã miền núi⁸ đăng ký về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 có 3 xã Hóa Hương Phùng, Hương Tân, Thuận (huyện Hương Hóa) đang đề nghị tỉnh có chính sách đặc thù tập trung đầu tư nguồn lực để hỗ trợ cho 01 trong 3 xã của Hương Hóa đạt chuẩn nông thôn mới. Căn cứ Kết luận phiên họp thứ 41 của Thường trực HĐND tỉnh (Thông báo số 209/TB-HĐND ngày 08/7/2024), đề nghị UBND huyện Hương Hóa báo cáo làm rõ thêm vấn đề này và UBND tỉnh báo cáo khả năng bố trí nguồn lực để thực hiện mục tiêu về đích nông thôn mới tại huyện Hương Hóa.

2. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với UBND tỉnh về 08 chương trình, nhiệm vụ trọng tâm và 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; đồng thời bổ sung các nhóm giải pháp tại Kết luận số 589/KL/TU ngày 24/6/2024 của Hội nghị lần thứ 17 BCH tỉnh đảng bộ XVII về tình hình kinh tế - xã hội, QPAN 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024. Trong đó, giải quyết có hiệu quả các rào cản kìm hãm động lực phát triển trong đầu tư công; đôn đốc thực hiện giải ngân vốn đầu tư công các dự án trọng điểm nhằm phát huy vai trò kích hoạt, tạo không gian phát triển mới, dẫn dắt các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển; kịp thời giải quyết các vướng mắc để các dự án đầu tư sớm được triển khai thực hiện, trong đó có các dự án điện gió đã đăng ký nhập thiết bị; triển khai thực hiện kịp thời cơ chế chính sách của Chương trình phục hồi kinh tế, các chính sách về thuế, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được thuận lợi; kiểm tra, giám sát tiến độ theo cam kết đối với các dự án trọng điểm của tỉnh; kiểm tra, rà soát việc thực hiện chính sách xã hội hóa trên địa bàn đối với các dự án đã đầu tư, khơi thông nguồn lực đầu tư xã hội; khẩn trương triển khai thực hiện Cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025; điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp trung ương hỗ trợ cho tỉnh các CTMTQG theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù

⁸ gồm các xã: Hương Phùng, Hương Tân, Thuận (huyện Hương Hóa); Mò Ó, Ba Lòng (huyện Đakrông); Linh Trường (huyện Gio Linh); Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà (huyện Vĩnh Linh).

thực hiện CTMTQG⁹. Đẩy mạnh việc phê duyệt, đấu giá xử lý cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước bổ sung nguồn lực đầu tư công, nhằm hoàn thành kế hoạch đầu tư công NSĐP giai đoạn 2021-2025.

II. Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024
(Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh)

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2024 đã bám sát giao dự toán của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07/12/2023, số 102/NQ-HĐND ngày 07/12/2023. Cụ thể: Có 13/18 khoản thu trong cơ cấu thu nội địa đảm bảo tiến độ dự toán thu được HĐND tỉnh giao; chi ngân sách được điều hành, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, theo tiến độ thu ngân sách.

Để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bám sát các nhiệm vụ, giải pháp đã được HĐND tỉnh xác định tại nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 để phấn đấu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024. Đồng thời, đề nghị bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các Văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024.

- Chủ động xây dựng và đề xuất phương án trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chi thường xuyên) và dự toán, kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội. Tập trung chỉ đạo, thực hiện giải ngân hết 100% vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là nguồn vốn sự nghiệp (đến 30/6/2024 chỉ giải ngân được 16% KH giao).

- Tập trung xử lý và giải quyết dứt điểm tài sản công đã rà soát, không còn nhu cầu sử dụng để bán đấu giá bổ sung ngân sách bố trí cho nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, tránh lãng phí tài sản kéo dài.

⁹ Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện CTMTQG năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023 của các CTMTQG đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, đôn đốc thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời số thuế phát sinh; thực hiện tốt công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình, những tác động ảnh hưởng đến thu ngân sách trên địa bàn tỉnh; nhận định, đánh giá chính xác nguồn thu, khả năng thu đối với từng nguồn thu, khoản thu, địa bàn thu và xác định nguồn thu còn tiềm năng, còn dư địa, lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để thực hiện các giải pháp tăng thu ngân sách; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế; kiên quyết thu hồi các khoản nợ đọng thuế. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Kết luận giám sát chuyên đề có liên quan đến cơ chế chính sách của Thường trực HĐND tỉnh (*Kết luận số 152/KL-HĐND ngày 31/5/2024 và số 205/KL-HĐND ngày 05/7/2024*)

- Tập trung chỉ đạo huy động các nguồn lực hỗ trợ các địa phương thực hiện hoàn thành mục tiêu về đích nông thôn mới năm 2024 và hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh.

- Nghiên cứu phương án, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh.

III. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024 (*Báo cáo số 167/TTr-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh*)

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của tỉnh được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân giao **2.353,357 tỷ đồng**, trong đó vốn ngân sách địa phương 1.309,012 tỷ đồng; vốn ngân sách trung ương 1.044,345 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kế hoạch 2024 với số vốn **2.353,357 tỷ đồng**, bằng 100% kế hoạch giao¹⁰.

Kế hoạch vốn 2023 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực

¹⁰ (1) Kế hoạch vốn NSĐP cân đối được Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 1.309,012 tỷ đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí: phân bổ 398,978 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch HĐND tỉnh giao;
 - Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất phân bổ 800 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch HĐND tỉnh giao;
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết phân bổ 45 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được HĐND tỉnh giao;

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương phân bổ 3,08 tỷ đồng bố trí cho 02 dự án tương ứng với kế hoạch vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW năm 2024, bằng 5,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao

(2) Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu phân bổ là 675,68 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

(3) Kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ là 368,665 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

hiện và giải ngân sang năm 2024 là 570,719 tỷ đồng¹¹. **Tính đến ngày 30/6/2024**, tổng giá trị giải ngân kế hoạch 2024 của tỉnh khoảng **709,22 tỷ đồng, đạt 30,1% kế hoạch** Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao đầu năm và **đạt 37,4% kế hoạch thực tế** tỉnh triển khai thực hiện¹², gồm:

- Ngân sách địa phương cân đối giải ngân 361,165 tỷ đồng, đạt 27,6% kế hoạch; trong đó: (1) Cân đối theo tiêu chí giải ngân đạt 39,3% kế hoạch (2) Đấu giá đất giải ngân đạt 23,3% kế hoạch (đạt 51,7% số thu nộp NSNN) (3) Xổ số kiến thiết giải ngân đạt 24% kế hoạch (đạt 43,3% số thu nộp NSNN) (4) Bội chi NSDP giải ngân đạt 4,5% kế hoạch (đạt 77,1% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ).

- Ngân sách trung ương giải ngân 237,548 tỷ đồng, đạt 35,2% kế hoạch; trong đó: (1) Dự án đường ven biển giải ngân đạt 37,2% kế hoạch (2) Đầu tư theo ngành lĩnh vực giải ngân đạt 31,6% kế hoạch (3) Vốn nước ngoài giải ngân đạt 70,5% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giải ngân 131,851 tỷ đồng, đạt 30,1% kế hoạch¹³; trong đó: (1) Chương trình giảm nghèo bền vững giải ngân đạt 37,9% kế hoạch (2) Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giải ngân đạt 27,3% kế hoạch (3) Chương trình nông thôn mới giải ngân 27,3% kế hoạch.

Để đánh giá toàn diện công tác thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đã có Văn bản số 72/HĐND-KTNS ngày 03/7/2024 đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ; đến ngày 05/7/2024 UBND tỉnh đã có Văn bản số 3108/UBND-TH báo cáo giải trình, làm rõ và đã gửi các đại biểu nghiên cứu. Phân đầu thực hiện giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được HĐND tỉnh giao từ đầu năm 2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bám sát các nhiệm vụ, giải pháp đã được HĐND tỉnh xác định tại nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 07/12/2023, tháo gỡ vướng mắc khó khăn nêu tại Văn bản số 3108/UBND-TH ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh và nhóm các giải pháp nêu tại báo cáo này. Đồng thời, đề nghị HĐND tỉnh xem xét bổ sung thêm một số giải pháp sau:

- Kịp thời cập nhật, nghiên cứu các cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn của Trung ương để tổ chức thực hiện dự án đầu tư công.

¹¹ Nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp tỉnh quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 66,352 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp huyện quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 55,192 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 101,494 tỷ đồng; nguồn vốn Chương trình MTQG năm 2022, năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 70,466 tỷ đồng; nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 277,215 tỷ đồng.

¹² Kế hoạch vốn đất và vốn XSKT tính theo số thu nộp vào NSNN đến ngày 30/6/2024

¹³ NSTW giải ngân 110,507 tỷ đồng, đạt 30% và NSDP giải ngân 21,348 tỷ đồng, đạt 30,5% kế hoạch

Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG kịp thời¹⁴; khi trình thủ tục thực hiện các dự án ODA phải tiên lượng được các yếu tố khó khăn để xây dựng kế hoạch vay phù hợp; dự báo thời gian xây dựng các quy định có thiết kế hoặc yêu cầu đặc thù về kiến trúc, cần thiết kế duyệt mẫu trước khi đi vào sản xuất đại trà.

- Giao nhiệm vụ cho các ngành, địa phương có liên quan xây dựng, ban hành hệ số k làm cơ sở để xác định giá đất cụ thể nhằm xác định giá khởi điểm phục vụ đấu giá các thửa đất, khu đất phù hợp với phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng để xác định giá đất đối với thửa đất, khu đất đã được quy định trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Sớm ban hành bảng giá đất mới phù hợp với thị trường làm cơ sở tổ chức đấu giá (khi Luật số 31/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024).

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các Kết luận của BCD các dự án động lực cấp tỉnh, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh¹⁵. Nêu cao tinh thần trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của các địa phương, đơn vị có liên quan.

Phần 2. Ngân sách

1. Bổ sung dự toán thu, chi năm 2024 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh theo hình thức ghi thu ghi chi phù hợp với các quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam¹⁶; khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; khoản 6 Điều 18 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân

¹⁴ Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Đầu tư phát triển KTXH nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc.

¹⁵ Thông báo Kết luận số 150/TB-HĐND ngày 29/5/2024 về dự án Ba Hồ-Bản Chùa; Kết luận số 204/KL-HĐND Ngày 05/7/2024 về thực hiện công tác đầu tư XD CB năm 2024 với một số công trình, dự án và số 205/KL-HĐND ngày 05/7/2024 về giám sát chuyên đề “Thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giám sát tình hình vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

¹⁶ “3. Vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu NSNN được dự toán, hạch toán đầy đủ, kịp thời; quyết toán theo quy định về quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và quyết toán chi của chương trình, dự án, khoản viện trợ.”

sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026¹⁷.

Thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo điểm a, khoản 1 Điều 30 và điểm n, khoản 1 Điều 37 và Điều 38 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất bổ sung dự toán thu viện trợ 15.563 triệu đồng và chi viện trợ không hoàn lại (chi thường xuyên) 15.563 triệu đồng đối với 07 đơn vị hưởng lợi¹⁸ từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài đến làm việc tại tỉnh Quảng Trị, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Quảng Trị và chi tiếp khách trong nước (Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài đến làm việc tại tỉnh Quảng Trị, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Quảng Trị và chi tiếp khách khác trong nước đảm bảo đúng quy định và thẩm quyền HĐND tỉnh tại Điều 31¹⁹ về tiếp khách trong nước và Điều 33²⁰ về tiếp khách nước ngoài của Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và

¹⁷ “2. Đối với các khoản viện trợ đã tiếp nhận từ năm 2023 chưa có trong dự toán được giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập và tổng hợp vào dự toán năm 2024 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, làm cơ sở để thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định.”

¹⁸ (1) VP UBND tỉnh; (2) VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; (3) Ban Dân tộc (4) VP BCĐ Phòng chống thiên tai-CC Thủy lợi tỉnh; (5) Bệnh viện Đa khoa tỉnh (6) Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh.

¹⁹ Tại Khoản 1 Điều 31 quy định mức chi mời cơm: 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống). Tại điểm b, khoản 2 quy định thẩm quyền quy định đối tượng được mời cơm: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Tại khoản 2 Điều 33 của Thông tư ngày quy định: Căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí và giá cả thực tế, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

²⁰ Tại khoản 1 của Điều 33 quy định mức chi: Căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí và giá cả thực tế, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện cho phù hợp nhưng không vượt mức chi quy định tại Thông tư này

chế độ tiếp khách trong nước; việc xây dựng dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề xuất và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương và được đăng tải trên Công thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định.

Lý do sửa đổi, bổ sung: Qua thời gian thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, đến thời điểm hiện nay một số quy định không còn phù hợp cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hiện hành như: Tiêu chuẩn ăn, tiếp xã giao khách nước ngoài; đối tượng khách mời; mức chi mời khách trong nước.

Định mức sửa đổi, bổ sung: Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh tỉnh thống nhất theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp, gồm:

- Tiếp khách nước ngoài: Điều chỉnh mức chi tối đa bằng mức trần quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính đối với:

+ Tiêu chuẩn ăn hàng ngày: (Đoàn là khách hạng A, hạng B, hạng C, khách quốc tế khác): Mức cũ 550.000 đồng/ người/ngày lên 600.000 đồng/ người/ngày.

+ Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc: Đoàn khách hạng B: Từ mức 60.000 đồng/ người/ buổi nay điều chỉnh thành 80.000 đồng/ người/ buổi và khách hạng C: Từ mức 40.000 đồng/người/buổi lên 60.000 đồng/ người/ buổi.

- Tiếp khách trong nước:

+ Mức chi mời cơm từ mức 200.000 đồng/suất lên 300.000 đồng/ suất (đã bao gồm đồ uống). Trường hợp đặc biệt do lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh quyết định mức chi phù hợp, đảm bảo chu đáo, trọng thị, tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Đối tượng khách được mời: Ngoài **07 đối tượng**²¹ đã được quy định tại Nghị quyết số 06/201/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh, bổ sung thêm **04 đối tượng** khách là các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, gồm:

(1) Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị, hội đồng thể cấp tỉnh và tại các huyện, TX, thành phố;

(2) Các cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện trong tỉnh đến làm việc tại cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể cấp huyện; cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể cấp huyện đến làm việc tại tỉnh.

²¹ (1) Các cơ quan TW đến làm việc với tỉnh; (2) TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm việc với Quảng Trị; (3) Cơ quan hành chính, hội, đoàn thể các tỉnh, TP trực thuộc TW do đồng chí lãnh đạo dẫn đầu làm việc với các cơ quan hành chính, hội, đoàn thể cấp tỉnh; (4) Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN, cơ quan hành chính các huyện, TX, TP các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến làm việc với huyện, thị xã, thành phố của tỉnh; (5) Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã khác shuyeenj trong tỉnh đến làm việc tại xã; cán bộ cấp xã đến làm việc với cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện đến làm việc tại cấp xã; (6) Các cơ quan đơn vị, tổ chức, các nhà hảo tâm trong nước đến thăm và làm việc để triển khai, thực hiện tài trợ, viện trợ, cứu trợ thiên tai, hỏa hoạn; (7) Các đoàn khách: Đoàn lão thành cách mạng; Đoàn bà mẹ Việt Nam anh hùng; Đoàn cựu chiến binh, nhân sĩ trí thức, kiều bào; Đoàn khách cơ sở là bà con người dân tộc ít người; Đoàn khách già lùn, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, các tổ chức tôn giáo, Hội đồng hương các tỉnh.

(3) Các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến làm việc để hợp tác đầu tư, phát triển kinh tế địa phương.

(4) Các đối tượng khác. Trường hợp xét thấy cần thiết mời com, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình thực tế và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị để quyết định mời com; Các cơ quan, đơn vị sử dụng từ nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Phần 3. Về đầu tư công

I. Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án

1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Việc đề nghị Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị, phần vốn dư sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) phù hợp quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh tại khoản 1 Điều 11, điểm c khoản 1 Điều 1 Luật số 03/2022/QH15; điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ.

Lý do điều chỉnh, bổ sung: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất các lý do điều chỉnh do UBND tỉnh nêu tại Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 25/6/2024 và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho sử dụng vốn dư và kéo dài thời gian bố trí vốn ngân sách trung ương của Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị” - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị, vay vốn ADB tại Văn bản số số 449/TTg-QHQT ngày 21/6/2024 và tình hình thực tế địa phương.

Nội dung đề nghị điều chỉnh: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh như sau:

- Sử dụng vốn dư của Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí là 9,206 triệu USD, tương đương 205.569 triệu đồng; trong đó vốn vay ADB là 6,582 triệu USD và vốn đối ứng là 2,624 triệu USD để đầu tư bổ sung 03 hạng mục công trình²² theo nội dung Văn bản số số 449/TTg-QHQT ngày 21/6/2024 của Thủ

²² Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT.579 kết nối với đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn với chiều dài khoảng 2,5km; Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT.582 đoạn từ Km3+450/ĐT.582 đến Km13+450/ĐT.582 và xây dựng mới cầu Hội Yên 1, Hội Yên 2 với tổng chiều dài khoảng 10,0km; Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Hướng Tân - Hướng Linh, huyện Hướng Hóa với tổng chiều dài khoảng 15,80km

tướng Chính phủ.

- Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn vay ADB dư của dự án: Áp dụng theo quy định tại Văn bản số 449/TTg-QHQT ngày 21/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế tài chính đối với vốn vay ADB dư; Theo đó vốn vay ADB dư: Ngân sách trung ương cấp phát 70%, UBND tỉnh Quảng Trị vay lại 30%.

- Phương án cân đối, bố trí vốn đối với các hạng mục sử dụng vốn dư: Sử dụng nguồn vốn (nước ngoài, đối ứng) đã được bố trí cho Dự án BIIG2 trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo các Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 và số 80/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt (Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt đang trong quá trình thực hiện các bước chuẩn bị các bước chuẩn bị đầu tư, xuất hiện nhiều nội dung cần điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ²³; khoản 2²⁴ điều 16 và Khoản 7²⁵ Điều 17 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Đứng thẩm quyền quyết định HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định khoản 1²⁶ Điều 34 Luật đầu tư công 2019 và quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh²⁷.

Nội dung, lý do điều chỉnh: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất nội dung điều chỉnh do UBND tỉnh trình tại Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 25/6/2024, nhằm đảm bảo điều chỉnh hướng tuyến lên phí Tây chợ Hà Tây thuận lợi cho việc kết nối với đường dân sinh hiện hữu, không cần xây dựng cầu vượt đường dân sinh 2 bên bờ Khu neo đậu tránh trú bão Nam Cửa Việt, giảm chiều dài cầu từ 260 m xuống 14,7 m và giảm cao độ thiết kế đường; tiết kiệm chi phí xây dựng phần cầu, đồng thời điều chỉnh được mặt cắt ngang cầu tăng từ 16.50m (1 đơn nguyên) thành 18m (02 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng 9m); tăng chiều dài

²³ Trường hợp CT, DA đã được cấp có thẩm quyền QĐ đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh CTĐT thực hiện theo khoản 5 Điều 43 Luật ĐTC.

²⁴ Các hành vi bị nghiêm cấm trong ĐTC

²⁵ Thẩm quyền quyết định CTĐT.

²⁶ Cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT CT, DA thì có thẩm quyền điều chỉnh CTĐT CT, DA đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình

²⁷ ...UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan hoàn thành thủ tục đầu tư, báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh CTĐT trước khi phê duyệt dự án.

đầu tư tuyến đường thêm 1,0km, kết nối đến đường bê tông dọc bờ Nam sông Hiếu; phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, phù hợp với định hướng phát triển các khu đô thị dọc 2 bên tuyến cũng như phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh.

3. Tuyến đường kết nối Cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 (Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 09/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết của HĐND tỉnh số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 04/8/2023, số 73/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định khoản 1²⁸ Điều 34 Luật đầu tư công 2019 và được xác định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 04/8/2023 của HĐND tỉnh.

Lý do điều chỉnh: Quá trình khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trong phạm vi thực hiện xuất hiện nền đất yếu; phải xử lý trước khi đắp đất nền đường làm phát sinh chi phí đầu tư. Khi thực hiện thủ tục thỏa thuận đấu nối nút giao với Quốc lộ 1, Cục Đường bộ Việt Nam có Văn bản định số 2327/CĐBVN-QLBTKCHTGT ngày 09/4/2024 yêu cầu bố trí các làn tăng, giảm tốc, làn chờ rẽ theo quy định; do đó, phát sinh kinh phí giải phóng mặt bằng trên tuyến Quốc lộ 1... từ những nội dung nêu trên phải điều chỉnh, phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Nội dung: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp như sau: Đầu tư tuyến đường kết nối từ Cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1, mặt cắt ngang rộng 48,5m (theo quy hoạch), giai đoạn phân kỳ đầu tư 2 nhánh hai bên, đầu tư từ lề đường vào tim đường với quy mô mỗi bên: Nền đường rộng 6,5m, mặt đường rộng 5,5m, lề đường rộng 0,5m x 2 bên (Gồm: Dự án thành phần 1: Đoạn tuyến từ Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà đến Cảng hàng không Quảng Trị, chiều dài khoảng 2,9 km (bao gồm 0,2 km đoạn vượt nối vào Cảng hàng không Quảng Trị); kinh phí thực hiện dự kiến 89.689 triệu đồng. Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Quốc lộ 1 đến đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, chiều

²⁸ Cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT CT, DA thì có thẩm quyền điều chỉnh CTĐT CT, DA đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

dài khoảng 1,6 km; kinh phí thực hiện dự kiến 57.811 triệu đồng). Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách trung ương 40,649 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 49.040 triệu đồng và điều chuyển từ dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt 57,811 tỷ đồng. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ 2022-2025 thành 2024-2026 để phù hợp với thực tế triển khai thực hiện dự án.

Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo các Nghị quyết: số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; số 72/NQ-HĐND ngày 04/8/2023 và số 73/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh.

4. San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2) (Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ; khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư năm 2019, khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đúng thẩm quyền quyết định HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định khoản 1²⁹ Điều 34 Luật đầu tư công 2019, đã được HĐND tỉnh phê duyệt CTĐT tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, số 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2020 và phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 và tình hình hoạt động thực tế tại khu vực cửa khẩu.

Nội dung, lý do điều chỉnh: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2) theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Về quy mô dự án là san nền bãi chờ xuất (Điều chỉnh quy mô bề rộng bãi chờ xuất từ 35m xuống còn 16m÷29m); Tuyên kết nối bãi chờ nhập với đường giao thông trục chính (Điều chỉnh cắt bỏ kết cấu mặt đường bê tông nhựa rộng 11m theo hồ sơ được duyệt; đầu tư hoàn thiện theo quy hoạch (rộng 35m) với kết cấu bằng bê tông để đảm bảo đồng bộ với kết cấu bãi chờ nhập và khu vực kiểm tra thông quan hàng hóa, phục vụ cho các phương tiện vào ra bãi nhập). Về quy mô đầu tư bổ sung hạng mục: Hoàn thiện mặt bằng bãi chờ nhập (phạm vi ngoài 100m đường biên giới) và khu vực kiểm tra, thông quan hàng hóa nhập khẩu; quy mô đầu tư hoàn thiện kết cấu bằng bê tông xi măng với diện tích khoảng 3,15 ha; đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước với chiều dài khoảng 355m để thu và thoát nước toàn bộ khu vực và các

²⁹ Cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT CT, DA thì có thẩm quyền điều chỉnh CTĐT CT, DA đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

hạng mục phụ trợ khác. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư tăng 55.000 triệu đồng (từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất tại các Khu kinh tế; thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng cửa khẩu (phần 70% để lại cho Trung tâm quản lý cửa khẩu) là 20 tỷ đồng và chuyển nguồn vốn từ dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt: 35.000 triệu đồng). Thời gian thực hiện đến hết năm 2025.

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, số 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2020 và phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh.

5. Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) (Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý, thẩm quyền: Việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ; khoản khoản 2³⁰ Điều 16 và khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư năm 2019, khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đúng thẩm quyền quyết định HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định khoản 1³¹ Điều 34 Luật đầu tư công 2019. Dự án đã được Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại văn bản số 226/HĐND-KTNS ngày 26/5/2016 và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, số 42/NQ-HĐND ngày 12/5/2021, số 74/NQ-HĐND ngày 25/6/2021.

Nội dung, lý do điều chỉnh: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Sau điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư so với ban đầu là 25 tỷ đồng từ nguồn vốn phân cấp cho thành phố Đông Hà quản lý để bổ sung phần tăng chi phí bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án³²; thời gian thực hiện đến hết năm 2025.

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, số 42/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 và số 74/NQ-HĐND ngày

³⁰ Các hành vi bị nghiêm cấm trong ĐTC

³¹ Cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT CT, DA thì có thẩm quyền điều chỉnh CTĐT CT, DA đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình

³² Quá trình thực hiện, dự án bị ảnh hưởng bởi Quy hoạch chung của thành phố điều chỉnh, Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Đông Giang điều chỉnh và thực hiện theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị bắc sông Hiếu, giai đoạn 2 dẫn đến tăng chi phí đền bù, hỗ trợ GPMB và do áp giá đền bù đến thời điểm hiện tại, hệ số giá đất thay đổi, thay đổi nguồn gốc sử dụng đất nên kéo dài thời gian thực hiện và tăng tổng mức đầu tư dự án. Dự án Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) cần thiết phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư lớn hơn tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và điều chỉnh thời gian thực hiện dự án nên đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 11, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ; khoản 5, Điều 43, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

05/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Hệ thống thủy lợi Ba Hồ - Bản Chùa (Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh thực hiện theo Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 41 (Thông báo số 209/TB-HĐND ngày 08/7/2024).

II. Kế hoạch đầu tư công

1. Kéo dài thời gian bố trí vốn các dự án đầu tư công (Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị kéo dài thời gian bố trí vốn 03 dự án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 và để đồng bộ với việc trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh của các dự án. **Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh chỉ thống nhất** kéo dài thời gian bố trí vốn **02 dự án** đầu tư công, gồm: Dự án Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) kéo dài thời gian bố trí vốn nguồn vốn ngân sách phân cấp thành phố Đông Hà quản lý đến năm 2025. Dự án San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2) kéo dài thời gian bố trí vốn nguồn vốn ngân sách tỉnh đến năm 2025 theo đề nghị của UBND trình tại tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 24/6/2024.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 10/7/2024 của UBND tỉnh thay thế Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 25/6/2024 và Văn bản số 3110/UBND-KT ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao và điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021, số 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021, số 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021, số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022, số 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022, số 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023, số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023, số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; số 133/NQ-HĐND ngày 19/12/2023, số 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024. Việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phù hợp với các quy định pháp luật về Đầu tư công, tình hình thực tiễn của tỉnh và nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn nhân sách địa phương theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp như sau:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: Điều chỉnh giảm kế

hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 9.500 triệu đồng của 01 dự án³³ không có nhu cầu sử dụng (4.335 triệu đồng) và dự phòng ngân sách địa phương (5.165 triệu đồng)³⁴ để bổ sung cho Dự án Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã A Ngo, huyện Đakrông 9.500 triệu đồng khi được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp lần này.

- Nguồn đầu giá, đấu thầu các khu đất giao cho nhà đầu tư sử dụng: Điều chỉnh giảm 92.811 triệu đồng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt³⁵ để bổ sung cho 02 dự án (San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại Khu vực Trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2): 35 tỷ đồng; Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1: 57,811 tỷ đồng)

- Nguồn đầu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo: Điều chỉnh giảm 34.159,5 triệu đồng từ khoản vốn dự kiến bố trí sau³⁶ để bổ sung cho Dự án San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2) là 20.000 triệu đồng; dự án Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang (giai đoạn 1) là 1.200 triệu đồng và Nhiệm vụ quy hoạch (do Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện) là 12.959,5 triệu đồng³⁷.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa

³³ Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển: Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được HĐND tỉnh giao 50.160 triệu đồng. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm 9.100 triệu đồng do không có nhu cầu sử dụng

³⁴ Dự phòng ngân sách địa phương: Kế hoạch trung hạn chưa giao chi tiết tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 62.402 triệu đồng (bao gồm khoản 40,649 tỷ đồng từ điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 để đầu tư xây dựng các trụ sở công an xã khi đủ điều kiện đã được HĐND tỉnh có ý kiến tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023).

³⁵ Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt: Được HĐND tỉnh giao kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 205,123 tỷ đồng; trong đó, đã phân bổ hàng năm 10,44 tỷ đồng và chưa phân bổ là 194,683 tỷ đồng. Hiện nay, dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Trị sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) đang dừng thực hiện và tại Văn bản số 5908/BGTVT-KHĐT ngày 04/6/2024 của Bộ Giao thông vận tải báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang xem xét, chấp thuận dừng dự án, tiếp tục nghiên cứu lập dự án đầu tư mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

³⁶ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh, khoản vốn dự kiến bố trí sau 34.159,5 triệu đồng.

³⁷ (1) Tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh, khoản vốn dự kiến bố trí sau là 34.159,5 triệu đồng và quy định dự kiến phân bổ cho dự án Tuyến đường kết nối phía Bắc cảng Mỹ Thủy thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 1) và kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, Quốc lộ 15D sau khi đủ điều kiện. Tuy nhiên, dự án Tuyến đường kết nối phía Bắc cảng Mỹ Thủy thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị - giai đoạn 1 chưa được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nên chưa đủ điều kiện giao vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; còn kinh phí chuẩn bị đầu tư các dự án cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, QL15D (dự án đầu tư theo hình thức PPP) do nhà đầu tư thực hiện (2) Nhiệm vụ quy hoạch (do Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện): Hiện nay, cần triển khai thực hiện 03 quy hoạch với nhu cầu dự kiến là 25,107 tỷ đồng; cụ thể: (1) Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 3 nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2045; (2) Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị để triển khai Dự án LNG Hải Lăng giai đoạn 1; (3) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo để thực hiện Đề án xây dựng Khu kinh tế xuyên biên giới Lao Bảo - Đensaván. Tuy nhiên, 03 nhiệm vụ quy hoạch này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 32/2023/TT-BTC ngày 29/5/2023 của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, kế hoạch trung hạn 2021-2025 được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch đã phân bổ chi tiết hàng năm 98.088 triệu đồng, chỉ còn 1.912 triệu đồng chưa phân bổ, nên không đủ nguồn để cân đối thực hiện 03 nhiệm vụ quy hoạch nói trên.

phương (Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh)

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch 2024 là 26.937 triệu đồng của 05 dự án³⁸ không có khả năng giải ngân để bổ sung cho 11 dự án³⁹ có tỷ lệ giải ngân tốt, cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư là phù hợp với quy định chỉ đạo tại khoản 4⁴⁰ Điều 2 Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 07/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch năm 2024 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh theo điểm c⁴¹, khoản 7, Điều 67 Luật Đầu tư công; quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để có cơ sở cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách đã có Văn bản số 72/HĐND-KTNS ngày 03/7/2024 đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ và thống nhất một số nội dung trình kỳ họp thứ 26 HĐND tỉnh khóa VIII, đến ngày 05/7/2024 UBND tỉnh đã có Văn bản số 3108/UBND-TH báo cáo giải trình, làm rõ theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh. Về nội dung này, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định: Đang quyết liệt chỉ đạo phân đầu tỷ lệ giải ngân hàng tháng của tỉnh cao hơn mức trung bình của cả nước; tiếp tục khẳng định quyết tâm trước ngày 31/12/2024 giải ngân đạt 100% kế hoạch năm 2024 và 100% kế hoạch năm 2023 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024. Riêng số thu tiền sử dụng đất năm 2024 của tỉnh hiện vẫn còn có khó khăn, vướng mắc và khả năng giải ngân nguồn vốn này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện số thu kế hoạch năm 2024. Trường hợp đến thời gian quy định không thể giải ngân hết số vốn kế hoạch 2024 được giao⁴² thì sẽ trình HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 theo quy định của Luật Đầu tư công.

³⁸ (1) DA Hiện đại hóa LN và tăng cường chống chịu ven biển; (2) Tuyến đường kết nối cảng Hàng không; (3) PT CSHT Du lịch-Tiểu DA Q. Trị; (4) Hồ sinh thái động dăng Khe Ruôi (5) Nhà VHTT TXQT.

³⁹ (1) ĐT CSVC Các cơ sở trực thuộc Sở GD-ĐT (2) HT KTĐC Trung Giang (3) Khắc phục, sửa chữa đường An Thái-bản Chùa (4) Đường liên thôn QL9 xã Tân Liên (5) Nhà công vụ huyện Đakrông (6) Trường THCS TT KrôngKlang (7) Trường THCS H. Hiệp (8) Trường Tiểu học số 2 Đakrông (9) Trường Tiểu học số 1-Đakrông (10) Trường THCS Thành Cổ (11) Trường TH&THCS Lương Thế Vinh.

⁴⁰ Chủ động, linh hoạt trong rà soát, đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đối với các dự án giải ngân kém, giải ngân không đúng tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân nhanh, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện

⁴¹ HĐND các cấp điều chỉnh KH ĐTC trung hạn và hàng năm vốn NSDP trong các trường hợp.... do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng thực hiện vốn hàng năm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

⁴² Do số thu nộp muộn nên dự án nhập tabmis muộn, không có nhiều thời gian thi công

Như vậy, số dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh là 5.381,902 tỷ đồng (trong đó: Vốn ngân sách địa phương cân đối dự kiến 1.871,556 tỷ đồng, cụ thể: (1) Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí dự kiến 613,556 tỷ đồng; (2) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất dự kiến 1.200 tỷ đồng; (3) Xổ số kiến thiết dự kiến 58 tỷ đồng. Vốn ngân sách trung ương dự kiến 3.510,346 tỷ đồng, cụ thể: (1) Vốn trong nước dự kiến 2.849,595 tỷ đồng, trong đó: Trung ương hỗ trợ mục tiêu 2.466,728 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia 382,867 tỷ đồng (2) Vốn nước ngoài dự kiến 660,751 tỷ đồng) là phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2025 và nhu cầu của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

Phần 4. Nhóm các chính sách địa phương (Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác.

Đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương, không làm tăng kinh phí đã được HĐND tỉnh xác định tại Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, số 69/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022, số 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

II. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh

Ngày 03/7/2024 Ban Kinh tế - Ngân sách có Văn bản số 72/HĐND-KTNS đề nghị UBND tỉnh thống nhất mức hỗ trợ và ngân sách bố trí cho nhân viên khuyến nông xã, phường, thị trấn; đến ngày 05/7/2024 UBND tỉnh đã có Văn bản số 3108/UBND-TH thống nhất nội dung theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua:

- Tên gọi nghị quyết “Quy định mức hỗ trợ và ngân sách bố trí cho nhân viên khuyến nông xã, phường, thị trấn (nhân viên khuyến nông cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Lý do: Thống nhất tên gọi và nội dung các điều, khoản trong nghị quyết, làm rõ đối tượng là nhân viên khuyến nông ở đơn vị hành chính cấp xã.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1

+ Không quy định lại số lượng người làm nhiệm vụ nhân viên khuyến nông xã, phường, thị trấn. Lý do: vì hiện nay chưa hoàn thành sắp xếp đơn vị thành chính cấp xã theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

+ Chỉ quy định mức hỗ trợ và ngân sách bố trí cho nhân viên khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh với mức hỗ trợ 3.042.000 đồng/người/tháng đối với người có trình độ chuyên môn trung cấp trở xuống; hỗ trợ 3.276.000 đồng/người/tháng đối với người có trình độ chuyên môn cao đẳng trở lên. Lý do: Không quy định hệ số lương cơ sở để phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ-TW ngày 21/5/2018, Nghị quyết số 28-NQ-TW ngày 23/5/2018, Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và tình hình thực tế địa phương nhằm đảm bảo tính đồng bộ, ổn định số lượng gắn với lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 3, Điều 3

Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Điều chỉnh cụm từ “... các loại cây ăn quả gồm cam, bưởi, bơ, chanh leo...” thành “các loại cây ăn quả được UBND tỉnh phê duyệt tại các đề án, kế hoạch phát triển cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh...”. Lý do: Nếu quy định cụ thể từng loại cây sẽ không khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển các loại cây khác phát triển có hiệu quả, theo đúng định hướng của tỉnh.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 3

Bỏ cụm từ “... theo hướng hữu cơ” và khẳng định “... sản xuất lúa hữu cơ” của tiêu đề; định mức hỗ trợ tăng từ 2 vụ lên 3 vụ liên tiếp cho mỗi điểm sản xuất tại điểm a mục 4 Điều 3 và điều chỉnh một số cụm từ ở điểm b khoản 4 Điều 3 quy định về đối tượng và điều kiện hỗ trợ. Lý do: Trong tổ chức sản xuất theo

tiêu chuẩn hữu cơ 2 vụ đầu tiên năng suất thường thấp hơn sản xuất truyền thống, hiệu quả kinh tế không chênh lệch so với canh tác thông thường. Từ vụ thứ 3 trở đi, khi đất đã được cải tạo năng suất lúa tăng, hiệu quả kinh tế mang lại khá tương xứng với chi phí đầu tư nên khuyến khích được người dân tham gia sản xuất, chứng nhận. Bên cạnh đó, đề xuất giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất Lúa hữu cơ gắn với chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ, phấn đấu đạt mục tiêu đến 2025 có trên 1.000 ha lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên có liên kết. Ngoài ra, việc điều chỉnh chính sách đảm bảo sự đồng bộ các chính sách trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐHD tỉnh).

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 3

Thay thế cụm từ "... đã được các cơ quan chức năng khẳng định có hiệu quả, có khả năng nhân rộng, có thị trường tiêu thụ ổn định như: Nghệ, chè vằng, sả, cà gai leo, an xoa, dây thìa canh, trà gió, sâm bố chính, quế" bằng cụm từ "... do UBND tỉnh phê duyệt tại các đề án, kế hoạch phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 3

Thay thế cụm từ "đã được các cơ quan chức năng khẳng định có hiệu quả, có khả năng nhân rộng, có thị trường tiêu thụ ổn định như: Bảy lá một hoa, giao cổ lam, đẳng sâm, sâm cau, khô tía" bằng cụm từ "do UBND tỉnh phê duyệt tại các đề án, kế hoạch phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh".

Lý do điều chỉnh mục c và d: Hiện nay trên địa bàn có nhiều đối tượng dược liệu có giá trị kinh tế cao nhưng chưa phát triển theo hướng hàng hoá cao, theo dự báo tình hình và nhu cầu thị trường thì dư địa phát triển thời gian tới là khá cao. Sau khi HĐND tỉnh sửa đổi chính sách hỗ trợ đối với cây dược liệu, UBND tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó định hướng đẩy mạnh phát triển dược liệu với phương châm chuyển hướng từ "trồng dược liệu" sang "kinh tế dược liệu", gắn với du lịch, theo hướng thân thiện với bảo tồn, hài hòa giữa các HTX/THT... tại cộng đồng và các Doanh nghiệp vừa và lớn. Do vậy, việc quy định cụ thể các loại cây sẽ không phù hợp trong trường hợp cần hỗ trợ các loài khác có trong kế hoạch của tỉnh ban hành.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 3

Điều chỉnh cụm từ "Hỗ trợ 50% chi phí" bằng cụm từ "Hỗ trợ chi phí" và điều chỉnh định mức và quy mô hỗ trợ "Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ tối đa 5,0 ha; định mức hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng/ha; mỗi năm hỗ trợ tối đa 1.000 ha" thành "Mỗi hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ tối đa 5,0 ha; Mỗi tổ chức được hỗ trợ 20ha. Định mức hỗ trợ tối đa 8 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 500 ha".

Lý do: Trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn với đơn giá 8 triệu đồng/ha theo dự án: Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của HĐND tỉnh). Trong thời gian đến, chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ (có hiệu lực từ 15/7/2024) cũng quy định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất một lần bình quân 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng. Do vậy, cần điều chỉnh để phù hợp với các chính sách hiện có trên địa bàn.

f) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 4

Nâng quy mô hỗ trợ tối đa mỗi năm từ 5 mô hình lên 10 mô hình. Lý do: Khuyến khích người dân chủ động mở rộng trang trại chăn nuôi bò thịt thâm canh; thực hiện chuyển đổi giống vật nuôi theo hướng sử dụng giống bò mới có năng suất, chất lượng cao, góp phần nâng cao chất lượng đàn bò của tỉnh.

g) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 4

Bổ sung nội dung hỗ trợ “chi phí giống, thức ăn nuôi tôm, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (tối đa 50% tổng định mức hỗ trợ dự án) để thực hiện dự án nuôi tôm công nghệ cao. Lý do: Đây là chính sách hỗ trợ sau đầu tư, chủ cơ sở nuôi tôm đã xác định đầu tư sản xuất lâu dài, có tính bền vững cao. Nên việc đề nghị bổ sung nội dung hỗ trợ để khắc phục khó khăn trong việc chứng minh tổng mức đầu tư dự án trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng có một số hạng mục thường thuê các tổ chức, cá nhân nhỏ lẻ (không phải là doanh nghiệp) thi công, không có hóa đơn, chứng từ.

h) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5

Chính sách hỗ trợ chứng nhận sản xuất cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ nâng mức hỗ trợ từ trợ 20 triệu đồng/dự án lên 30 triệu đồng/dự án đối với chứng nhận hữu cơ Việt Nam và từ 30 triệu đồng/dự án lên 50 triệu đồng/dự án đối với chứng nhận hữu cơ Quốc tế.

i) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5

Chính sách hỗ trợ chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ nâng mức hỗ trợ tối đa từ 20 triệu đồng/dự án lên 30 triệu đồng/dự án đối với chứng nhận hữu cơ Việt Nam và 30 triệu đồng/dự án lên 50 triệu đồng/dự án đối với chứng nhận hữu cơ Quốc tế. Quy mô tối thiểu tăng từ 05 ha/dự án lên 10 ha/ dự án; giảm quy mô từ 40 dự án/ năm xuống còn 20 dự án/năm. Bổ sung hỗ trợ dự án có quy mô trên 50 ha định mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/dự án.

Lý do điều chỉnh mục h, i: Hiện nay, số lượng cơ sở sản xuất cũng như số

lượng sản phẩm nông sản có chứng nhận trên địa bàn còn khá hạn chế, nhất là đối với các sản phẩm sản xuất theo quy trình sản xuất sạch, theo hướng hữu cơ. Chi phí tổ chức đánh giá, chứng nhận sản xuất lúa, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả cao (bình quân 80-100 triệu đồng/giấy chứng nhận), trong khi giá thành sản phẩm chưa cao nên người sản xuất chưa quan tâm hoặc chưa có điều kiện thực hiện các chứng nhận chất lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

k) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5

Điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển “sản phẩm dược liệu” sang chính sách hỗ trợ “sản phẩm chủ lực” đạt chứng nhận sản phẩm OCOP... Lý do: Chính sách hiện nay chỉ hỗ trợ sản phẩm dược liệu đạt chứng nhận sản phẩm OCOP chứ không hỗ trợ cho các đối tượng sản phẩm chủ lực khác; nên việc điều chỉnh chính sách này để giúp cho bà con quan tâm hơn đến các sản phẩm sản xuất theo quy trình sản xuất sạch, theo hướng hữu cơ.

m) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 5

Bổ sung chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại từ “...áp dụng hệ thống ISO” thành “áp dụng hệ thống ISO, HACCP, FDA và các chứng nhận tương đương”. Lý do: Đảm bảo nhiều chứng nhận theo yêu cầu thị trường được hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi người dân tham gia chứng nhận sản phẩm chủ lực đạt chứng nhận sản phẩm OCOP đối với các tổ chức, cá nhân có tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Sửa đổi, bổ sung Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, Điều 6 như sau: Bổ quy định điểm b khoản 1 Điều 6; bỏ cụm từ “trong đó nội dung hỗ trợ tưới tiên tiến tiết kiệm nước được phân bổ từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6. Lý do: Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại NQ 69/2022/NQ-HĐND (căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính) hiện nay không còn phù hợp do Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 không có nội dung chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1

Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 *(được sửa đổi bổ sung tại khoản 11, 12, 13, 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2

Nguyên tắc hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ *(được sửa đổi bổ sung tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)* và các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành chủ quản Chương trình”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2

Phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21; Điểm b, Khoản 5, Điều 22; Điểm b, Khoản 3, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ *(được sửa đổi bổ sung tại khoản 12, 13, 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 3

Bổ sung cụm từ “vật tư” để khép kín chu trình sản xuất, phù hợp với tiêu đề của khoản 3 điều này.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 3: Điều chỉnh “giống nuôi cấy mô” thành “ưu tiên giống nuôi cấy mô” để mở rộng đối tượng được tiếp cận chính sách do việc sản xuất giống nuôi cấy mô trên địa bàn chủ yếu chỉ mới đối với cây keo, không có các loại cây lâm nghiệp khác.

f) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 3

Bỏ cụm từ “và không quá 01 tỷ đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết”. Lý do: Thực tế triển khai các dự án/kế hoạch liên kết thực hiện trên phạm vi quy mô vùng nguyên liệu khá lớn (lúa 50 -80 ha; chanh leo trên 40 ha); việc hỗ trợ giống, vật

tư có thể hỗ trợ không quá 3 vụ hoặc 3 chu kỳ sản xuất cho 01 dự án/ kế hoạch liên kết, do vậy, nếu hỗ trợ tối đa 01 tỷ là quá thấp, chỉ có thể hỗ trợ thực hiện trong 01 vụ. Như vậy sẽ hạn chế, khó khăn trong tiếp cận chính sách.

g) Sửa đổi, bổ sung tiết 3 điểm a khoản 4 Điều 3

Điều chỉnh “giống nuôi cấy mô” thành “ưu tiên giống nuôi cấy mô”; “1 triệu cây giống nuôi cấy mô/năm” thành “1 triệu cây giống/năm” để phù hợp với điểm c khoản 3 điều này.

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3

Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án theo quy định mới theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính”.

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3

Điều chỉnh quy định “mức hỗ trợ tối đa cho một dự án liên kết không quá 05 tỷ đồng, cho một kế hoạch liên kết không quá 02 tỷ đồng” thành “mức hỗ trợ tối đa cho một dự án/kế hoạch liên kết không quá 05 tỷ đồng”. Lý do: Phù hợp với lý do điều chỉnh của điểm h khoản 3 Điều 3.

Phần 5. Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất - rừng

1. Danh mục dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác (Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh)

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi 51,4 ha đất để thực hiện 19 dự án tại 08 địa phương trong tỉnh⁴³; chuyển mục đích sử dụng đất trồng, đất rừng phòng hộ 22,63 ha (trong đó 3,89 ha đất trồng lúa, 18,74 ha đất rừng phòng hộ) để thực hiện 06 dự án tại 03 địa phương⁴⁴ cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư công 2019, Luật Đầu tư 2020, các Quy hoạch ngành và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp có thẩm quyền phê duyệt; được phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn; UBND cấp huyện và các sở ngành, đơn vị đề xuất bằng văn bản. Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

Riêng đối với Dự án xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam⁴⁵ sau khi HĐND tỉnh thông qua chủ trương thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đề nghị UBND tỉnh yêu cầu chủ đầu tư tích cực phối hợp với các ngành, địa phương liên quan sớm lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng trước khi GPMB, cho thuê đất; bổ sung kế

⁴³ Tại 08 địa phương: Đông Hà 03 DA, TXQT 01 DA, Gio Linh 01 DA, Triệu Phong 01 DA, Hải Lăng 02 DA, Cam Lộ 07 DA, Hướng Hóa 02 DA, Đakrông 02 DA.

⁴⁴ Đông Hà 03 DA, Cam Lộ 02 DA, Đakrông 01 DA.

⁴⁵ Có chiều dài 6,115 km với diện tích thu hồi đất 23,82 ha, chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ 18,74 ha đã phù hợp với các quy hoạch liên quan và được Chính phủ đồng ý đầu tư.

hoạch sử dụng đất huyện Đakrông.

2. Điều chỉnh nghị quyết 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 24/6/2024 và Văn bản số 3072/UBND-KT ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh)

a) Hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng 2,4929 ha (rừng sản xuất) để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao khép kín Vĩnh Tú đã được HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong quá trình thi công xây dựng gặp phải vướng mắc về mặt kỹ thuật, diện tích hình học toàn bộ khu đất dự án đã cho thu hồi không đủ chiều rộng bố trí chuồng nuôi⁴⁶. Việc xin điều chỉnh vị trí, bổ sung chủ trương chuyển mục đích với diện tích 2,58 ha rừng sản xuất (trong đó có 2,4929 ha HĐND tỉnh cho chủ trương và 0,087 ha đất khác quy hoạch lâm nghiệp) phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Việc đề nghị HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 12 dự án/công trình, với tổng diện tích là 61,4211 ha, trong đó: (rừng trồng sản xuất 57,6107 ha, rừng trồng ngoài quy hoạch ba loại rừng (đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất 3,8104 ha) được thực hiện đầy đủ, đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Điều 248 Luật Đất đai số 31/2014/QH15 (Có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2024); tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp. Các dự án đã có trong quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đã được đưa ra danh mục ngoài quy hoạch ngoài 3 loại rừng tại Quy hoạch tỉnh; được Hội đồng thẩm định chủ trương CMĐSDR UBND tỉnh xác định đủ điều kiện; thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh quyết định.

c) Kiến nghị: Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua 02 nội dung nêu trên tại kỳ họp, trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể để đảm bảo đồng bộ hồ sơ, thủ tục đối với các dự án sau theo quy định:

- Đối với Dự án Khai thác mỏ sét đồi khu vực Hồ Lây, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng với diện tích sử dụng đất 93,5 ha (Theo QĐ 927/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 UBND tỉnh cấp CTĐT, giảm 39,1 ha so với QH và kết quả trúng đấu

⁴⁶Chiều rộng khu đất từ 20 m đến 80 m trong khi chiều dài chuồng nuôi từ 100 m đến 120 m.

giá⁴⁷), đề nghị HĐND tỉnh chuyển mục đích sử dụng rừng (giai đoạn 1) với diện tích 24,6476 ha phù hợp với quy định tại khoản 9⁴⁸ Điều 2 và khoản 1⁴⁹ và khoản 2⁵⁰ Điều 40⁵¹ của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ và Điều 52 của Luật Khoáng sản năm 2010 quy định trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác; Điều 6⁵² và khoản 1⁵³ Điều 7⁵⁴ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 09/9/2014 hướng dẫn về thu tiền đầu giá khoáng sản; Điều 53⁵⁵ Luật Đất đai 2013 quy định về giao đất, cho thuê đất. Sau khi HĐND tỉnh thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và các năm đảm bảo theo lộ trình, tiến độ dự án được cấp chủ trương đầu tư điều chỉnh; chỉ đạo cơ quan chức năng và chính quyền địa phương thường xuyên giám sát quá trình thực hiện dự án đảm bảo theo quy định.

- Đối với Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao khép kín Vĩnh Tú với diện tích đất quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư 29,75 ha. Sau khi được HĐND tỉnh điều chỉnh giảm 2,4929 ha (*rừng sản xuất*) tại Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh để bổ sung chủ trương chuyển mục đích 2,58 ha rừng sản xuất tại kỳ họp này. Trước khi tổ chức GPMB, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, rừng và thuê đất tại Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 26/01/2022⁵⁶ để phù hợp với diện tích quy hoạch và cấp chủ trương cho dự án.

⁴⁷ Dự án có Quy hoạch và trúng đầu giá 132,57 ha.

⁴⁸ Trường hợp bất khả kháng trong hoạt động khoáng sản là sự kiện khách quan không thể lường trước được, là sự việc mà tổ chức, cá nhân đã áp dụng mọi biện pháp mà không thể tránh, dẫn đến không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản.

⁴⁹ Trữ lượng khoáng sản trong dự án đầu tư khai thác được phép đưa vào thiết kế khai thác quy định tại Điều 52 Luật khoáng sản bao gồm toàn bộ hoặc một phần trữ lượng khoáng sản được cơ quan NN có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc khu vực cấm... phù hợp với QH khoáng sản có liên quan.

⁵⁰ Trường hợp vì lý do nhu cầu tiêu thụ, thời hạn khai thác, yếu tố xã hội mà không huy động hết trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt hoặc đã được cấp phép thì trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác không nhỏ hơn 50% tổng lưu lượng khoáng sản đã phê duyệt, đối với khoáng sản rắn,..

⁵¹ Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác đưa vào thiết kế

⁵² Cách tính tiền trong đầu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁵³ Trúng đầu giá quyền khai thác khoáng sản được thu toàn bộ một lần trước khi cấp quyền khai thác khoáng sản (CTCP Gôm cao cấp Hạ Long phải nộp tiền trúng đầu giá toàn bộ trữ lượng địa chất được thăm dò trên diện tích 132,57 ha (khoảng 20,87 tỷ đồng, thời gian nộp: 1 lần trước khi trình UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản) theo Điều 6,7 của Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Liên Bộ TN&MT và Bộ Tài chính quy định thi hành chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP về đầu giá quyền khai thác khoáng sản)

⁵⁴ Phương thức thu tiền trong đầu giá quyền khai thác khoáng sản

⁵⁵ Điều 53 quy định. Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng

⁵⁶ UBND tỉnh cho thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, rừng để cho nhà đầu tư thuê đất 29,6706 ha tại Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 26/01/2022.

Phần 6. Các dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 13 dự thảo nghị quyết cá biệt, 03 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Ánh